

Bản án số: 184/2020/HS-ST
Ngày 17 - 12 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn T2

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Rỹ

Bà Nguyễn Thị Năm

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Quốc Thái – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 230/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2020, đối với bị cáo:

Lê Minh T (tên gọi khác: C cùi); sinh năm 1972, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 126 C, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T1 (chết) và bà Tống Thị M; có vợ (chết) và 01 con sinh năm 2003; tiền sự: Không;

Tiền án:

- Ngày 29/6/1995, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kết án 04 năm tù về tội “Cướp tài sản của công dân”, 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân” và 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”. Tổng hợp hình phạt là 09 năm tù (Bản án số: 777/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/01/2000. Ngày 06/01/2020, Chi cục thi hành án dân sự Quận 8 ra quyết định đình chỉ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách bị cáo có nghĩa vụ thi hành (do đủ điều kiện miễn).

- Ngày 26/11/2012, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh kết án 06 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số: 334/2012/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/01/2018; chưa thi hành xong án phí sơ thẩm và tiền thu lợi bất chính.

Nhân thân:

- Ngày 25/6/1990, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kết án 12 tháng tù về tội “Không tố giác tội phạm” (Bản án số: 300/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/9/1990; đối với các khoản thi hành về án phí hình sự sơ thẩm thì hồ sơ không còn lưu trữ nên không xác minh được.

- Ngày 21/02/1992, Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh kết án 18 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân” (Bản án số: 35/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/4/1993. Đối với các khoản thi hành về án phí hình sự sơ thẩm, qua xác minh Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5 không thụ lý thi hành.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2020 đến nay. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Tống Thị M, sinh năm 1937; nơi cư trú: 126 C, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 137/6 C, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1961; nơi cư trú: A12/3, Ấp 2A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 30 đường số 5 Khu dân cư B, Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 19 giờ ngày 12/3/2020, Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tuần tra đến trước nhà số 531 đường T, Phường 12, Quận 8, thì phát hiện Lê Minh T đang ngồi trước nhà có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy nên tiến hành kiểm tra. Qua kiểm tra, Công an phát hiện 01 túi xách màu đen để dưới đất ngay chỗ T ngồi, bên trong túi xách có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu (T khai nhận là ma túy dùng để bán). Công an thu giữ ma túy và đưa T về trụ sở Công an Phường 12, Quận 8 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Ngoài ra, Công an còn tạm giữ của T 01 xe gắn máy biển số 59N3-148.89, 01 điện thoại di động màu đen (không có nhãn hiệu), 01 điện thoại di động hiệu Nokia và số tiền 40.000.000 đồng. Vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 8 để điều tra, làm rõ.

Tại Kết luận giám định số: 461/KLGD-H ngày 20/3/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon (để trong 01 hộp giấy) được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Lê Minh T và hình dấu Công an Phường 12, Quận 8 là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 25,1209g (hai năm phẩy một hai không chín gam), loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra, Lê Minh T khai nhận: Do cần tiền tiêu xài nên T nhiều lần mua ma túy của một người đàn ông tên C (không rõ lai lịch) để bán lại kiếm lời. Khoảng 18 giờ ngày 12/3/2020, T nhận được điện thoại của một người đàn ông tên T2 (không rõ lai lịch) hỏi mua một “góc tư hàng đá” (ma túy tổng hợp) với giá 9.000.000 đồng, T đồng ý và hẹn giao ma túy ở khu vực Phường 12, Quận 8. Sau đó, T điều khiển xe gắn máy biển

số 59N3-148.89 vào hẻm số 289 đường B, Phường 14, Quận 8, rồi dùng điện thoại liên lạc với C hỏi mua một “góc tư hàng đá” với giá 7.000.000 đồng. Khoảng 10 phút sau, C điều khiển xe gắn máy hiệu Vision (không rõ biển số) đến đưa cho T 01 hộp giấy bên trong có 01 gói ma túy tổng hợp. Mua được ma túy, T giấu vào trong túi xách màu đen và điều khiển xe gắn máy 59N3-148.89 đến tiệm sửa xe số 531 đường T, Phường 12, Quận 8 để chờ sửa xe, rồi mang ma túy đi bán cho T2 thì bị Công an phát hiện bắt quả tang. Trước khi bị phát hiện, bị cáo đã nhiều lần mua ma túy từ C để bán lại thu lợi, mỗi lần bán ma túy, bị cáo thu lợi 2.000.000 đồng, đã tiêu xài cá nhân hết.

Qua xác minh, xe gắn máy biển số 59N3-148.89 do bà Đỗ Thị N đứng tên đăng ký, bà N cho T mượn xe nhưng không biết T dùng làm phương tiện đi mua bán ma túy, bà N yêu cầu được nhận lại xe.

Số tiền 40.000.000 đồng tạm giữ của bị cáo, qua xác minh đây là tiền của bà Tống Thị M (mẹ của bị cáo) giao cho bị cáo giữ giữ. Việc T mua bán ma túy bà M không biết, bà M yêu cầu được nhận lại số tiền này.

Tại bản Cáo trạng số 220/CT-VKS ngày 24/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Lê Minh T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo các điểm i, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Minh T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm i, q khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo từ 12 năm đến 14 năm tù; phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng, đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy; tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động OPPO tạm giữ của bị cáo có dùng vào việc phạm tội; trả lại bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Nokia tạm giữ của bị cáo không dùng vào việc phạm tội; trả lại bà Đỗ Thị N xe gắn máy, biển số: 59N3-148.89; trả lại bà Tống Thị M số tiền 40.000.000 đồng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

Bà Đỗ Thị N và bà Tống Thị M giữ nguyên ý kiến, yêu cầu nhận lại xe và số tiền 40.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình

điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định vào lúc 19 giờ ngày 12/3/2020, tại trước số 531 T, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Lê Minh T có hành vi cất giữ trái phép ma túy ở thể rắn, có khối lượng 25,1209 gam, loại Methamphetamine, mục đích để bán thì bị phát hiện, bắt quả tang.

[3] Tại Bản án số: 334/2012/HSST ngày 26/11/2012, Tòa án nhân dân Quận 8 đã xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “*tái phạm*”, bị cáo chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Như vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*”. Đây là tình tiết định khung hình phạt của tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

[4] Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” như sau:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

i) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;

...

q) *Tái phạm nguy hiểm.*

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...”

[5] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy và an toàn xã hội. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Lê Minh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại các điểm i, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành

người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[7] Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[8] Bị cáo còn nhiều lần bị kết án vào các năm 1990 và 1992, mặc dù không xem là án tích nhưng Hội đồng xét xử cũng xem xét để có mức hình phạt phù hợp với nhân thân bị cáo.

[9] Về hình phạt bổ sung, xét hành vi phạm tội của bị cáo là nhằm thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng, quá trình điều tra thu giữ số ma túy trong 01 gói được niêm phong bên ngoài có ghi ký hiệu 461/2020 (Q8) và 01 túi xách màu đen, xét đây là vật cất tàng trữ, lưu hành và công cụ cất giấu ma túy nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy.

[11] - 01 điện thoại di động màu đen (không có nhãn hiệu) tạm giữ của bị cáo, xét bị cáo dùng để liên lạc mua bán ma túy nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[12] - 01 điện thoại di động màu đen hiệu Nokia tạm giữ của bị cáo, xét không liên quan đến hành vi phạm tội nên căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo.

[13] Xe gắn máy biển số 59N3-148.89 tạm giữ của bị cáo, qua xác minh do bà Đỗ Thị N đứng tên đăng ký. Bà N cho bị cáo mượn xe nhưng không biết bị cáo dùng làm phương tiện đi mua bán ma túy. Do đó, căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại xe cho bà N.

[14] Số tiền 40.000.000 đồng tạm giữ của bị cáo, qua xác minh đây là tiền của bà Tống Thị M giao cho bị cáo giữ giùm, bà M không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bà M số tiền này.

[15] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai nhận, cùng phương thức mua và bán ma túy như đã khai, bị cáo đã nhiều lần mua ma túy từ C để bán lại cho người nghiện, số tiền thu lợi bất chính đã tiêu xài hết. Tuy nhiên, ngoài lời khai của bị cáo, không còn chứng cứ nào khác để truy cứu hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo đã thực hiện trước khi bị bắt quả tang, cũng như không có căn cứ để xác định số tiền thu lợi bất chính như bị cáo khai.

[16] Đối với người đàn ông tên C bán ma túy cho bị cáo, do không xác định được lai lịch, quá trình điều tra không đưa vào tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[17] Về án phí hình sự: Căn cứ quy định tại Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điểm i, q khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Minh T 12 (mười hai) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/3/2020.

Phạt bị cáo Lê Minh T số tiền 10.000.000 đồng, nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 gói được niêm phong bên ngoài có ghi ký hiệu 461/2020 (Q8), chữ ký ghi tên Lê Minh T, hình dấu Công an Phường 12, Quận 8 và có chữ ký giám định viên Võ Anh T;

+ 01 túi xách màu đen;

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu: không có, số Imei: không có, số sim 0902.841.883 (không kiểm tra được tình trạng máy móc điện tử bên trong);

Trả lại bị cáo Lê Minh T: 01 điện thoại di động màu đen hiệu Nokia, số Imei: 354893087947743, số sim 0902.841.533 (không kiểm tra được tình trạng máy móc điện tử bên trong).

Trả lại bà Đỗ Thị N: 01 xe gắn máy, biển số: 59N3-148.89, số máy: G3D4E810107, số khung: RLCUG1010JY044664.

Trả lại bà Tống Thị M số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/8/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8).

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lê Minh T nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TA ND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn T2